

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH DU LỊCH: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI 4 TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG VÀ TƯ CÓ ĐÀO TẠO NGÀNH DU LỊCH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trương Thị Xuân Đào¹

TÓM TẮT

Mục tiêu của bài nghiên cứu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Du lịch (Tourism) tại 4 trường đại học công và tư có đào tạo Ngành du lịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 318 sinh viên tại 4 trường đại học trên. Kết quả nghiên cứu cho thấy cả 3 yếu tố đều có tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên ngành du lịch gồm: Thái độ cá nhân, Chuẩn chủ quan, Kiểm soát hành vi nhận thức.

Từ khóa: Chuẩn chủ quan, kiểm soát hành vi, sinh viên du lịch, thái độ cá nhân, ý định khởi nghiệp.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Số liệu tính đến ngày 15/07/2016, có đến 223 trường đại học trên cả nước Việt Nam, với 163 trường đại học công lập và 60 trường đại học dân lập. Mỗi năm có hơn 350.000 sinh viên tốt nghiệp đại học. Trong đó, thành phố Hồ Chí Minh chiếm 22,4% các trường đại học trên cả nước với 50 trường đại học (xếp vị trí thứ 2, sau thành phố Hà Nội). Có thể nói, thành phố Hồ Chí Minh là một trong những tỉnh thành quan trọng cung cấp lực lượng lao động đáng kể cho nguồn nhân lực các tỉnh miền Nam nói riêng và cả đất nước nói chung.

Song, thực tế hiện nay cho thấy: số lượng sinh viên thất nghiệp sau khi ra trường ngày càng tăng (chưa kể số lượng sinh viên làm trái ngành, hoặc trái nghề cũng chiếm số lượng không nhỏ). Bên cạnh đó, số lượng SV tốt nghiệp đại học có ý định “khẳng định bản thân”, “vươn lên làm chủ” là rất ít so với tổng thể. Hầu hết họ - những thành phần tri thức

của đất nước - chấp nhận những công việc nhàn nhã, “làm công ăn lương” và tiêu dùng số lương đó mà chưa từng có ý định muốn thay đổi. Đối với sinh viên ngành Du lịch, họ được đào tạo bài bản với các kiến thức, kỹ năng, tư duy quản trị kết hợp với sự cởi mở, hướng ngoại trong chính ngành nghề giúp họ càng mạnh dạn hơn trong tư duy làm chủ. Hơn nữa, lĩnh vực du lịch là “mảnh đất màu mỡ” cho sinh viên nói chung và sinh viên ngành Du lịch nói riêng tham gia khởi nghiệp. Do đặc thù kinh doanh du lịch có thể không cần phải đầu tư quá nhiều vốn ban đầu mà chỉ cần ý tưởng. Tuy nhiên, sự thật là vẫn có ít người lập nghiệp từ sinh viên ngành Du lịch vì có quá nhiều các nhân tố làm cản trở quyết định khởi nghiệp của họ. Với mục tiêu là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên khối ngành Du lịch tại 4 trường đại học trên địa bàn thành

¹ThS. Trương Thị Xuân Đào – Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

phố Hồ Chí Minh, gồm: Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng (HIU), Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học (HUFLIT), Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM (IUH) và Trường Đại học Công nghệ TP.HCM (HUTECH), tác giả đã tiến hành khảo sát 318 sinh viên hiện đang theo học ngành Du lịch tại các trường này để giải quyết mục tiêu nghiên cứu đề ra.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT, MÔ HÌNH VÀ GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

2.1 Cơ sở lý thuyết

Niềm tin cá nhân và thái độ của một người hướng tới việc thành lập doanh nghiệp mới được coi là những yếu tố cơ bản mới trong kinh doanh. Các nghiên cứu trước đây về ý định kinh doanh được xây dựng trên lý thuyết về hành vi theo kế hoạch (TPB) của Ajzen [1] và Kiriakidis [2] về lý thuyết và khuôn mẫu (xem thêm các nghiên cứu của: Elfving, Brannback và Carsrud [3]; Thrikawala [4]; Muhammad [5]). Zahariah và cộng sự [6] cũng cho rằng “Nhận thức hành vi kiểm soát thái độ”.

Lý thuyết Hành động Có Lý trí (Fishbein và Ajzen 1975, 1980) [7] đã được mở rộng sang Lý thuyết về Hành vi theo kế hoạch - TPB (Ajzen, 1988, 1991) [1] khẳng định rằng hành vi của con người bị ảnh hưởng bởi ba niềm tin: Niềm tin hành vi, tín ngưỡng và kiểm soát niềm tin. Trong việc dự đoán trạng thái hành vi, kiểm soát hành vi nhận thức và ý định hành vi có thể được sử dụng trực tiếp theo TPB. Theo nguyên tắc chung của TPB (Ajzen và Driver) [8], khuynh hướng của con người thực hiện hành vi nhất định phụ thuộc vào thái độ và quy tắc chủ quan đối với hành vi cụ thể đó. Điều này ngụ ý rằng, một người sẽ chú ý nhiều hơn đối với thái độ, các chuẩn mực chủ quan và hành vi nhận thức để kiểm soát khuynh hướng họ thực hiện hành vi đó. Ajzen

[9] giải thích thêm rằng, hành vi niềm tin có thể là thuận lợi hoặc là do thái độ đối với hành vi đó. Những niềm tin có tính định hướng ảnh hưởng đến hành vi của người khác do các tiêu chuẩn chủ quan thường gây ra bởi ảnh hưởng của người khác (ví dụ như nhóm xã hội) và kiểm soát niềm tin được xác định bằng cách kiểm soát hành vi.

Ajzen [1] tuyên bố rằng TPB phù hợp với khái niệm “nhận thức về bản thân” của Bandura [10], nó tập trung vào quyết định thực hiện hành động tiềm năng. Ảnh hưởng mạnh mẽ của hành vi của một người thường bị ảnh hưởng bởi sự kiểm soát hành vi nhận thức của họ. Nghiên cứu này tập trung vào TPB.

* **Chuẩn chủ quan**

Ajzen [1] mô tả chuẩn mực chủ quan là “áp lực xã hội cảm nhận được tham gia hoặc không tham gia vào hành vi”. Theo Zahariah và cộng sự [6] thì tiêu chuẩn chủ quan và chuẩn mực xã hội đã được sử dụng thay cho nhau và là áp lực xã hội từ quan điểm của cha mẹ, bạn bè, đối tác hoặc các đối tượng có vai trò quan trọng khác.

* **Kiểm soát hành vi nhận thức**

Các lý thuyết về sự tự tin được hình thành theo khái niệm của Bandura [10] là nguồn của khía cạnh “Kiểm soát hành vi nhận thức” của Ajzen. Như vậy, “Kiểm soát hành vi nhận thức” có thể được coi là cảm nhận dễ dàng hoặc khó khăn của một cá nhân để thực hiện một hành vi cụ thể. Nghiên cứu của Ajzen [9] xem xét hành vi kiểm soát như là các yếu tố tạo điều kiện hoặc cản trở việc thực hiện hành vi của một cá nhân gần hơn với sự tự tin. Nghiên cứu của Wang và các cộng sự [11] đã thêm sự kiên trì và kiểm soát vào nghiên cứu của họ về ý định kinh doanh giữa các sinh viên đại học.

* Thái độ cá nhân

Fishbein và Azjen [7] đã xác định thái độ như là “một khuynh hướng học hỏi để đáp ứng một cách nhất quán thuận lợi hoặc bất lợi đối với một đối tượng nhất định”. Thái độ đối với hành vi phản ánh các đánh giá tích cực hoặc tiêu cực hoàn toàn của cá nhân về việc thực hiện một hành vi (Armitage và Conner) [12]. Các tác giả cũng khẳng định thêm rằng, nói chung, thái độ thích ứng với hành vi này càng tốt, thì ý định của cá nhân để thực hiện hành vi càng mạnh.

* Ý định khởi nghiệp

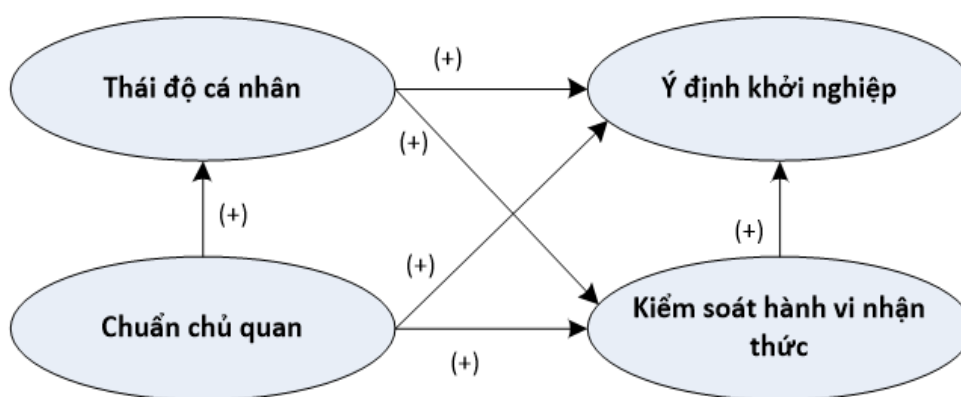
Ý định khởi nghiệp của cá nhân là những yếu tố quan trọng để dự đoán hành vi kinh doanh của họ. Có khá nhiều định nghĩa về ý định

khởi nghiệp của cá nhân như: định hướng nghề nghiệp (Gross và các cộng sự) [13], các doanh nghiệp mới thành lập (Peng và cộng sự) [14],... Mặt khác, các nhà nghiên cứu thường đưa ra các định nghĩa ý định khởi nghiệp là hoạt động của cá nhân hoặc doanh nghiệp khi họ thật sự thực hiện được sự khác biệt.

2.2 Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm kiểm định lại các giá trị thang đo cũng như mô hình nghiên cứu của Muhammad và các cộng sự [5] về “Ý định khởi nghiệp của các sinh viên Đại học ATBU, Nigeria”.

Mô hình nghiên cứu gồm các thành phần như sau:



Hình 1. Mô hình “Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Du lịch các trường Đại học tại TP.HCM”

Các giả thuyết nghiên cứu:

H1a: Thái độ cá nhân có ảnh hưởng tích cực đến kiểm soát hành vi nhận thức.

H1b: Thái độ cá nhân có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp.

H2a: Chuẩn chủ quan có ảnh hưởng tích cực đến thái độ cá nhân.

H2b: Chuẩn chủ quan có ảnh hưởng tích cực đến kiểm soát hành vi nhận thức.

H2c: Chuẩn chủ quan có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp.

H3: Kiểm soát hành vi nhận thức có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp.

3. DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu được thu thập từ ngày 10/02/2018 đến ngày 10/04/2018, với phương pháp chọn mẫu thuận tiện phi xác suất. Nghiên cứu thu thập dữ liệu bằng cách gửi bảng câu hỏi trực tiếp đến người được phỏng vấn là các sinh viên đang theo học ngành Du lịch tại các trường Đại học: HIU, HUTECH, IUH và HUFLIT (trong đó có thể là sinh viên học ngành Quản trị khách sạn hoặc Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành). Theo Bollen và Davis [15] thì kích thước mẫu tối thiểu phải đạt được là gấp 5 lần tham số cần ước lượng, số lượng mẫu tối

thiếu cần có là $n = 4 \times 4 \times 5 = 80$. Để đạt được cỡ mẫu là 318, có 400 bảng câu hỏi được phát ra, nghiên cứu tiến hành khảo sát trong 8 tuần.

Nghiên cứu sử dụng thang đo của Muhammad và cộng sự [5] cho các khái niệm, trong đó: Thang đo “Thái độ cá nhân” gồm có 4 quan sát (được mã hóa từ PA1 đến PA4), thang đo “Chuẩn chủ quan” có 4 quan sát (được mã hóa từ SN1 đến SN4), thang đo “Kiểm soát hành vi nhận thức” có 4 quan sát (được mã hóa từ PBC1 đến PBC4), thang đo “Ý định khởi nghiệp” gồm 4 quan sát (được mã hóa từ EI1 đến EI4).

3.2 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng chính là: Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích nhân tố khẳng định CFA và kiểm định mô hình nghiên cứu thông qua phương pháp phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, dựa trên kết quả xử lý số liệu thống kê thông qua phần mềm AMOS.

Trong đó, để đo lường mức độ phù hợp của

mô hình với thông tin thị trường, nghiên cứu sử dụng các chỉ tiêu: CMIN, CMIN/df, CFI, chỉ số TLI và chỉ số RMSEA.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Mẫu điều tra

Trong 400 bảng câu hỏi phát ra, sau khi thu thập và kiểm tra, có 82 bảng câu hỏi bị loại sau khi làm sạch dữ liệu, cuối cùng 318 bảng hoàn tất được sử dụng (đạt tỉ lệ 79,5%).

Kết quả thống kê từ **Bảng 1**. cho thấy,

- Theo giới tính, có: 161 nữ (50,6 %) và 157 nam (49,4%);
- Theo Nhóm sinh viên các Năm: “Sinh viên năm thứ 1” có 82 người (25,8%), “Sinh viên năm 2” có 166 người (52,2%), “Sinh viên năm 3” gồm có 33 người (12,3%) và “Sinh viên năm 4” có 31 người (9,7%);
- Theo Nhóm trường đại học có: “Trường HIU” có 82 sinh viên (25,8%), “Trường HUTECH” có 166 sinh viên (52,2%), “Trường HUFLIT” có 39 sinh viên (12,3%), “Trường IUH” có 31 sinh viên (9,7%).

Bảng 1. Tóm tắt thống kê mô tả mẫu

Thông tin mẫu		Tần số	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nữ	161	50,6
	Nam	157	49,4
Tổng		318	100
Nhóm sinh viên	Sinh viên năm thứ 1	82	25,8
	Sinh viên năm thứ 2	166	52,2
	Sinh viên năm thứ 3	33	12,3
	Sinh viên năm thứ 4	31	9,7
Tổng		318	100
Nhóm trường đại học	Trường HIU	82	25,8
	Trường HUTECH	166	52,2
	Trường HUFLIT	39	12,3
	Trường IUH	31	9,7
Tổng		318	100

Nguồn: Xử lý từ dữ liệu điều tra của tác giả (2018)

Bảng 2. Kiểm định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach's Alpha nếu loại biến
Thái độ cá nhân (PA), Cronbach's Alpha=0,844				
PA1	13,85	15,361	0,609	0,831
PA2	13,51	14,762	0,681	0,801
PA3	13,87	14,245	0,663	0,810
PA4	13,96	13,819	0,769	0,762
Chuẩn chủ quan (SN), Cronbach's Alpha=0,916				
SN1	10,25	7,978	0,792	0,898
SN2	11,40	7,099	0,836	0,881
SN3	11,65	7,283	0,806	0,892
SN4	11,03	7,539	0,805	0,892
Kiểm soát hành vi nhận thức (PBC), Cronbach's Alpha= 0,867				
PBC1	10,74	10,118	0,842	0,781
PBC2	10,34	11,021	0,650	0,856
PBC3	9,89	10,521	0,735	0,822
PBC4	9,88	10,354	0,657	0,857
Ý định khởi nghiệp (EI), Cronbach's Alpha=0,908				
EI1	9,06	5,327	0,726	0,904
EI2	8,88	4,922	0,864	0,856
EI3	9,12	4,949	0,794	0,881
EI4	8,71	5,116	0,790	0,882

Nguồn: Kết quả xử lý từ dữ liệu điều tra của tác giả (2018)

4.2. Đánh giá sơ bộ thang đo

Các thang đo được đánh giá sơ bộ thông qua hai công cụ chính (1) Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha và (2) Phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA. Kết quả **Bảng 2.** cho thấy: các thang đo *thái độ cá nhân (PA)*, *chuẩn chủ quan (SN)*, *kiểm soát hành vi nhận thức (PBC)*, *ý định khởi nghiệp (EI)* đều đạt yêu cầu về độ tin cậy Cronbach's Alpha.

Các thành phần của các thang đo này sẽ được sử dụng trong phân tích EFA tiếp theo. Kết quả phân tích EFA cho các khái niệm: *thái độ cá nhân (PA)*, *chuẩn chủ quan (SN)*, *kiểm soát hành vi nhận thức (PBC)* gồm 12 biến quan sát trích thành 3 nhóm nhân tố với tổng phương sai trích được là 65,625% tại eigenvalue là 1,283;

thang đo *ý định khởi nghiệp* có 1 nhân tố được rút trích tại eigenvalue là 3,141 và phương sai trích được là 78,531%.

Các biến quan sát này được tiếp tục dùng để kiểm định trong phân tích CFA ở bước tiếp theo.

4.3. Kiểm định mô hình nghiên cứu

Để kiểm định giá trị phân biệt của tất cả các khái niệm nghiên cứu trong nghiên cứu này, mô hình tới hạn được thiết lập. Trong mô hình tới hạn, tất cả các khái niệm nghiên cứu được tự do quan hệ với nhau.

Mức độ phù hợp chung: Kết quả phân tích khẳng định cho thấy mô hình có giá trị thống kê CMIN = 277,547 với 95 bậc tự do; giá trị P-value = 0,000. Nếu điều chỉnh theo bậc tự

do có $CMIN/df = 2,922 < 5$, đạt yêu cầu cho độ tương thích. Các chỉ tiêu khác như $TLI = 0,939 > 0,9$; $CFI = 0,952 > 0,9$ và $RMSEA = 0,078 < 0,08$ đều đạt yêu cầu (**Hình 2**).

Giá trị hội tụ: Các trọng số (đã chuẩn hóa) đều $> 0,5$, các trọng số chưa chuẩn hóa đều có ý nghĩa thống kê nên thang đo đạt được giá trị hội tụ.

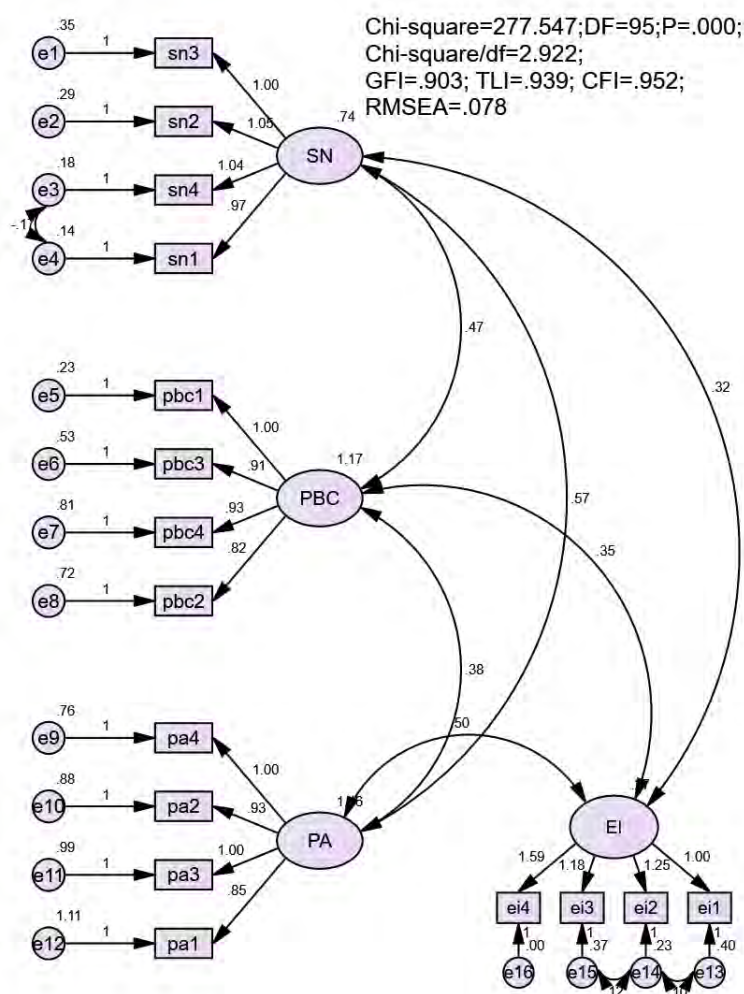
Giá trị phân biệt: Các giá trị P-value đều $< 0,05$ nên hệ số tương quan của từng cặp khái niệm khác biệt so với 1 ở độ tin cậy 95%. Do đó, các khái niệm nghiên cứu đều đạt được giá trị phân biệt.

Tính đơn hướng: Mô hình đo lường này phù hợp với dữ liệu thị trường và không có tương quan giữa các sai số đo lường nên nó đạt được tính đơn hướng (Trừ thang đo khái niệm

chuẩn chủ quan - mã hóa là SN và ý định khởi nghiệp - mã hóa là EI là không đạt tính đơn hướng).

Độ tin cậy: Kết quả kiểm định độ tin cậy thông qua các hệ số sau: (1) Hệ số tin cậy tổng hợp (Composite Reliability); (2) Tổng phương sai trích (Variance Extracted) và (3) Cronbach's Alpha. Các thang đo đều có hệ số tin cậy tổng hợp $> 0,6$, tổng phương sai trích đều $> 0,5$, hệ số Cronbach's Alpha cũng đều $> 0,6$ nên các thang đo đều đạt độ tin cậy (**Bảng 3**).

Như vậy, các thang đo của mô hình nghiên cứu là phù hợp: Các thang đo có hệ số Cronbach's Alpha và độ tin cậy tổng hợp đều lớn hơn 0,6 và phương sai trích đều lớn hơn 0,5 nên cả 4 thang đo đều đạt yêu cầu về độ tin cậy. Dữ liệu phù hợp để được đưa vào phân tích SEM.



Hình 2. Kết quả CFA cho mô hình tối hạn

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2018)

Bảng 3. Tóm tắt kết quả kiểm định thang đo

Thành phần	Số biến quan sát	Độ tin cậy		Phương sai trích	Giá trị
		Cronbach's Alpha	Tổng hợp		
Thái độ cá nhân	4	0,844	0,848	0,647	Đạt yêu cầu
Chuẩn chủ quan	4	0,916	0,903	0,796	
Kiểm soát hành vi nhận thức	4	0,867	0,876	0,689	
Ý định khởi nghiệp	4	0,908	0,872	0,684	

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2018)

4.4. Kết quả phân tích mô hình SEM

Sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM để tính ảnh hưởng của các yếu tố đến ý định khởi nghiệp

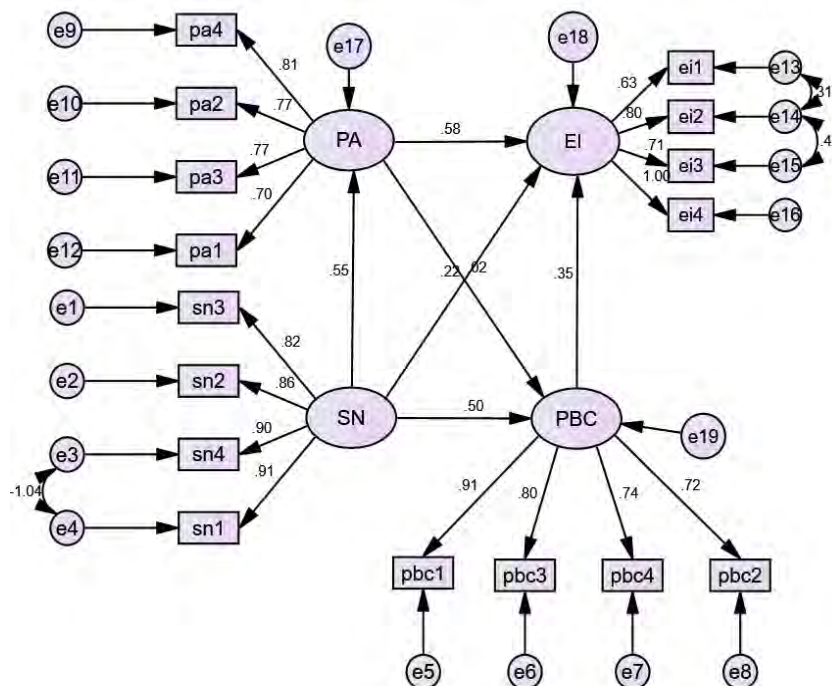
của sinh viên Du lịch theo các giả thuyết nghiên cứu được kết quả như trong **Hình 3** và **Bảng 4** sau đây:

Bảng 4. Kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Mối quan hệ	Ước lượng	SE	CR	P-value	Kết luận
PBC <--- PA	0,018	0,510	0,041438771	0,799	H1a không được chấp nhận
EI <--- PA	0,579	0,304	0,031993265	0,000	H1b được chấp nhận
PA <--- SN	0,546	0,540	0,042640143	0,000	H2a được chấp nhận
PBC <--- SN	0,495	0,199	0,025885009	0,000	H2b được chấp nhận
EI <--- SN	0,216	0,373	0,035438570	0,000	H2c được chấp nhận
EI <--- PBC	0,355	0,494	0,040783571	0,000	H3 được chấp nhận

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2018)

Chi-square=277.547;DF=95;P=.000;
Chi-square/df=2.922;
GFI=.903; TLI=.939; CFI=.952;
RMSEA=.078



Hình 3. Kết quả SEM của mô hình nghiên cứu chuẩn hóa

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu của tác giả (2018)

Kết quả cho thấy thái độ cá nhân có tác động dương nhưng rất thấp (hệ số tác động $\beta = 0,018$) đến kiểm soát hành vi nhận thức và không có ý nghĩa thống kê ($P\text{-value} = 0,799 > 0,05$) nên có thể kết luận thái độ cá nhân không có tác động đến kiểm soát hành vi nhận thức, **H1a** bị bác bỏ; các giả thuyết còn lại đều được chấp nhận, các mối quan hệ đều có ý nghĩa về mặt thống kê (Giá trị $P\text{-value} < 0,05$), đồng thời, các mối quan hệ này đều là quan hệ đồng biến (Hệ số chuẩn hóa > 0).

4.5. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Hệ số hồi quy của thái độ cá nhân đối với ý định khởi nghiệp là 0,579, điều này có nghĩa là trong các điều kiện khác không thay đổi, khi thái độ cá nhân tăng 1 đơn vị thì ý định khởi nghiệp tăng 0,579 đơn vị; tương tự như vậy, khi chuẩn chủ quan tăng 1 đơn vị thì ý định khởi nghiệp tăng 0,216 đơn vị; khi kiểm soát hành vi nhận thức tăng 1 đơn vị thì ý định khởi nghiệp tăng 0,355 đơn vị. Tuy nhiên, trái lại với kết quả nghiên cứu của Muhammad và các cộng sự [5], thái độ cá nhân lại không có tác động đến kiểm soát hành vi nhận thức.

Bên cạnh đó, ngoài tác động trực tiếp đến ý định khởi nghiệp, chuẩn chủ quan còn có các tác động gián tiếp đến ý định khởi nghiệp thông qua thái độ cá nhân và kiểm soát hành vi nhận thức như sau: hệ số hồi quy của chuẩn chủ quan (SN) tác động gián tiếp đến ý định khởi nghiệp (EI) được biểu diễn: *chuẩn chủ quan x thái độ cá nhân* là 0,319 và *chuẩn chủ quan x điều khiển hành vi nhận thức* là 0,175. Điều này chứng tỏ rằng, khi các yếu tố khác không đổi, chuẩn chủ quan và thái độ cá nhân tăng 1 đơn vị thì ý định khởi nghiệp tăng 0,319 đơn vị. Tương tự, khi các yếu tố khác không đổi, chuẩn chủ quan và điều khiển hành vi nhận thức tăng 1 đơn vị thì ý định khởi nghiệp tăng 0,175 đơn vị.

Kết quả này cũng tương tự như kết quả nghiên cứu của Muhammad và cộng sự [5], tuy nhiên, thái độ cá nhân thì không có tác động trực tiếp đến kiểm soát hành vi nhận thức. Điều này có thể giải thích như sau: Thái độ cá nhân thì thiên về ước muốn cá nhân, còn việc kiểm soát hành vi nhận thức thì thiên về sự tự tin về việc mình có thể tự vận hành khởi nghiệp. Nhưng trên thực tế thì việc vận hành một công ty khởi nghiệp cần sự giúp đỡ của rất nhiều người, nhất là trong thời gian đầu, việc động viên và hỗ trợ của người thân sẽ giúp những người khởi nghiệp vượt qua khó khăn cả về tinh thần lẫn tài chính. Vì vậy, thái độ cá nhân sẽ không có tác động trực tiếp đáng kể đến kiểm soát hành vi nhận thức.

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Mục đích hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố chính đóng góp vào quá trình hình thành, tăng trưởng và phát triển kinh doanh. Doanh nhân thúc đẩy sự tự tin và mang lại những sáng kiến kinh doanh cũng đã được coi là động cơ tăng trưởng và phát triển kinh tế. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ các trường Đại học có đào tạo ngành Du lịch và phương pháp kiểm định mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng: *thái độ cá nhân, chuẩn chủ quan và kiểm soát hành vi nhận thức* đều có tác động trực tiếp tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Du lịch. Nhìn chung, kết quả cho thấy mô hình phù hợp với dữ liệu và điều này cũng có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà hoạch định chính sách và các bên liên quan khác muốn nâng cao khả năng kinh doanh giữa sinh viên đại học ngành Du lịch ở thành phố Hồ Chí Minh.

Một số hàm ý cho các nhà quản trị như sau:

Thứ nhất, cần xây dựng nội dung chương trình đào tạo có đủ cả kiến thức, kỹ năng và thái độ nhằm trang bị đầy đủ hành trang và

động cơ để sinh viên có ý chí tự khởi nghiệp trong bối cảnh đang thiếu việc làm như hiện nay.

Thứ hai, các trường cần phải thành lập trung tâm hướng nghiệp và khởi nghiệp cho sinh viên nhằm hỗ trợ cho các em sinh viên có những thông tin, chính sách cần thiết mà các em quan tâm.

Thứ ba, nên có mối liên kết chặt chẽ giữa trường và các doanh nghiệp nhằm cho sinh viên tiếp cận với những kỹ năng thực tế, nên tạo sân chơi khởi nghiệp cho sinh viên trong nhà trường nhằm khơi gợi ý định khởi nghiệp của sinh viên và cũng tạo điều kiện cho các em sinh viên lường trước những khó khăn, rủi ro, thách thức khi khởi nghiệp, đây cũng là bài học kinh nghiệm cho chính bản thân các em sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ajzen, I. (1991). "The theory of planned behavior" Organ. Behav. Hum. Decis. Process., vol. 50, no. 2, pp. 179–211.
- [2] Kiriakidis, S. (2015). "Theory of Planned Behaviour: the Intention - Behaviour Relationship and the Perceived Behavioural Control (PBC) Relationship with Intention and Behaviour" Int. J. Strateg. Innov. Mark., vol. 03, pp. 40–51.
- [3] Elfving, J. Brännback, M. and Carsrud, A. (2009). Understanding the Entrepreneurial Mind (Eds.): Toward A Contextual Model of Entrepreneurial Intentions; Springer Science and Business Media, p. 2333-2343.
- [4] Thrikawala, S. (2011). The determinants of entrepreneurial intention among academics in Srilanka: International conference on economics and finance research, LACSIT press, singapore, p. 454-458.
- [5] Muhammad, A. D., Aliyu, S., and Ahmed, S. (2013). "Entrepreneurial Intention Among University Students" vol. 2013, no. Icebr, pp. 1–9.
- [6] Zahariah, M. Z., Amalina, A. M. and Erlane, K. G. (2010). "Entrepreneurship Intention Among Malaysian Business Students" Can. Soc. Sci., vol. 6, no. 3, pp. 34–44.
- [7] Fishbein, M. and Ajzen, I. (1975). "Strategies of Change: Active Participation" Belief, attitude, intention, and behavior: An introduction to theory and research. pp. 411–450.
- [8] Ajzen, I. & Driver, B. L. (1991). Prediction of leisure participation from behavioral, normative, and control beliefs; An application of the theory of planned behavior. Journal of Leisure Sciences vol. 13, p. 19-28.
- [9] Ajzen, I. (2006). "Constructing a theory of planned behavior questionnaire" Available people. umass. edu/aizen/pdf/tpb. Meas.
- [10] Bandura, A. (1982): Self-efficacy mechanism in human agency. American Psychologist, 37, 122-147.
- [11] Wang, W., Lu, W., and Millington, J. K. (2011). "Determinants of Entrepreneurial Intention among College Students in China and USA" J. Glob. Entrep. Res., vol. 1, no. 1, pp. 35–44.
- [12] Armitage, C. J., and Conner, M. (2001). "Efficacy of the theory of planned behaviour: A meta-analytic review" Br. J. Soc. Psychol., vol. 40, no. 4, pp. 471–499.
- [13] Gross, J., Haines, S., Hill, C., Francis, G., Blue-Banning, M., and Turnbull, A. (2015). "Strong School-Community Partnerships in Inclusive Schools Are 'Part of the Fabric of the School... We Count on Them'," Sch. Community J., vol. 25, no. 2, pp. 9–34.
- [14] Peng, Z., Lu, G., and Kang, H. (2012). "Entrepreneurial Intentions and Its Influencing Factors: A Survey of the

University Students in Xi'an China" *Creat. Educ.*, vol. 03, no. 08, pp. 95–100.

rules of identification for structural equation models" *Struct. Equ. Model.*, vol. 16, no. 3, pp. 523–536.

[15] Bollen, K. A., and Davis, W. R. (2009). "Two

FACTORS AFFECTING THE THE START-UP BUSINESS OF STUDENTS IN TOURISM AT UNIVERSITIES IN HO CHI MINH CITY

Truong Thi Xuan Dao

ABSTRACT

The objective of this study is to determine the factors which impact the intention of Tourism students in starting - up a business at public and private universities with tourism training in the curriculum in HCM city. Data's research was assembled from 318 studying students in Tourism at these universities. The result indicates that there are three factors impacting the intention of Tourism students in starting - up a business which are Personal Attitude, Subjective Norm and Perceived Behavioural Control on Entrepreneurial Intent.

Keywords: *Entrepreneurial Intent, Perceived Behavioural Control, Tourism students, Personal Attitude, Subjective Norm*

Email: daottx@hiu.vn

Ngày nhận bài: 12/07/2019

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 11/09/2019

Ngày chấp nhận đăng: 16/09/2019

CHỮ VIẾT TẮT

EFA	Cronbach's Alpha test	CFI	Comparative Fit Index
CFA	Confirmatory Factor Analysis	TLI	Tucker & Lewis Index
SEM	Structural Equation Modeling	TPB	The Theory of Planned Behaviour
ATBU	Abubakar Tafawa Balewa Univesity	PA	Personal Attitude
SN	Subjective Norms	CMIN	Chi-bình phương
PCB	Perceived Behavioral Control	CMIN/df	Chi-bình phương điều chỉnh theo bậc tự do
RMSEA	Root Mean Square Error Approximation	AMOS	Analysis of MOment Structures Software